

Bản án số: 51/2022/HS-ST

Ngày 23-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Ông Vũ Hng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Thị Minh H, sinh năm 1987; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn L, xã D, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Đỗ Thị N; có chồng Trương Tiến T (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/11/2015 bị Công an huyện Tứ Kỳ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng, đã nộp phạt ngày 12/11/2015. Ngày 26/12/2016 bị Phòng CSHS-Công an tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" hình thức phạt tiền 350.000 đồng, đã nộp phạt ngày 31/12/2016.

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Vũ Quang H1**, sinh năm 1994;

Trú quán: thôn P, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

+ Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1985:

Nơi ĐKKHKT: thôn C, xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: số nhà .., đường A, phường B, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;

+ Chị **Lê Thị P**, sinh năm 1977;

Trú quán: thôn Q, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

+ Chị **Chị P1**, sinh năm 1986;

Trú quán: thôn Đ, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;

+ Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1968;

Trú quán: 23 N, khu .., thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;

+ Anh **Anh T2**, sinh năm 1989;

Trú quán: thôn G, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

(Anh H1, chị T, chị P, chị P1, anh T2 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Minh H không có nghề nghiệp ổn định. Năm 2019, H làm thủ tục đăng ký hộ kinh doanh dịch vụ tư vấn tài chính; mua bán trao đổi ô tô, xe máy cũ, mới và kinh doanh cầm đồ. Sau đó H làm thủ tục đăng ký mở quán cầm đồ H 88 tại nhà ở thôn L, xã D, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Khi đi vào hoạt động H mua quyền sử dụng phần mềm quản lý cầm đồ Mecash trên mạng, tài khoản đăng nhập là “*Hunglinhminh*”, mật khẩu “*012345*” để quản lý số người vay, mức lãi suất, kỳ hạn đóng lãi của người vay. H sử dụng bộ máy tính để bàn, đăng nhập thông tin của khách, nhiều lần H mượn điện thoại cá nhân của một số bạn bè để đăng nhập vào tài khoản (*H không nhớ đặc điểm của máy tính do thời gian lâu ngày nên đã quên và không nhớ đặc điểm các điện thoại một số người bạn cho mượn thế nào*). H quy định mức lãi suất cho vay đối với hình thức vay tín chấp dao động từ 1.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi khách đến vay tại quán thì H tìm hiểu, kiểm tra nhân thân lai lịch người vay. Sau khi kiểm tra thông tin người vay, H trực tiếp làm thủ tục cho vay. H yêu cầu người vay viết giấy vay tiền theo mẫu đã soạn sẵn, sau đó giữ lại giấy vay tiền và đưa tiền cho khách. Sau khi giao tiền cho khách, H nhập thông tin về việc cho khách vay tiền vào tài khoản trên phần mềm Mecash để theo dõi, quản lý. Đến kỳ đóng lãi người vay sẽ đến quán trả tiền trực tiếp cho H. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2021 đến đầu năm 2022 H đã thực hiện việc cho người khác vay với mức lãi suất cao tại quán cầm đồ H 88 như sau:

Ngày 20/01/2021, H cho anh Phạm Đức T, sinh năm 1984, trú tại: Thôn L, xã D, huyện Tứ Kỳ vay 69.500.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 73%/năm). Số tiền lãi anh T đã trả và H đã nhận tiền lãi đến ngày 12/01/2022 là 49.762.000 đồng.

Ngày 01/5/2021, H cho anh Vũ Quang H1, sinh năm 1994, trú tại: Thôn P, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vay 7.000.000 đồng với lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 219%/năm). Số tiền lãi anh H1 đã trả và H đã nhận tiền lãi đến ngày 03/7/2021 là 2.688.000 đồng. Anh H1 đã trả tiền gốc cho H. Cùng ngày anh H1 tiếp tục vay 15.000.000 đồng của H với lãi suất 5.000đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm). Số tiền lãi anh H1 đã trả và H đã nhận đến ngày 03/7/2021 là 4.800.000 đồng.

Ngày 14/7/2021, H cho chị Vũ Thị T, sinh năm 1985, trú tại: Thôn C, xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vay 80.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 109,5%/năm). Số tiền lãi chị T đã trả và H đã nhận tiền lãi đến ngày 24/01/2022 là 46.800.000 đồng. Ngày 19/7/2021, H tiếp tục cho chị T vay 30.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm). Số tiền lãi chị T đã trả và H đã nhận tiền lãi đến ngày 16/9/2021 là 7.200.000 đồng. Đến ngày 25/11/2021, H tiếp tục cho chị T vay 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị T đã trả và H đã nhận tiền lãi đến ngày 16/9/2021 là 3.600.000 đồng. Chị T đã trả tiền gốc cho H.

Ngày 20/8/2021, H cho chị Lê Thị P, sinh năm 1977, trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện Tứ Kỳ vay 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm). Số tiền lãi chị P đã trả và H đã nhận tiền lãi đến ngày 16/01/2022 là 6.000.000 đồng.

Ngày 15/9/2021, H cho chị P1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Gia Lộc vay 25.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm). Số tiền lãi chị P1 đã trả và H đã nhận tiền lãi đến ngày 12/01/2022 là 12.000.000 đồng.

Ngày 10/12/2021, H cho bà Bùi Thị N, sinh năm 1968, trú tại: Khu ..., thị trấn G, huyện Gia Lộc vay 15.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm). Số tiền lãi bà N đã trả và H đã nhận tiền lãi đến ngày 12/01/2022 là 2.040.000 đồng.

Ngày 05/01/2022, H cho anh T2, sinh năm 1989, trú tại: Thôn G, xã Q, huyện Tứ Kỳ vay 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm). Số tiền lãi anh T2 đã trả và H đã nhận tiền lãi đến ngày 03/02/2022 là 600.000 đồng.

Công văn số 192 ngày 28/01/2022 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam xác định mức lãi suất như sau:

- Lãi suất cho vay 1.000đ/1triệu/ 1 ngày tương đương là 36.5%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 2.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 73%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 2.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 91,25%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 3.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 109,5%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 3.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 127,75%/1 năm;

- Lãi suất cho vay 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 146%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 5.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 182,5%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 5.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 200,75%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 6.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 219%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 7.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 255,5%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 8.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 292%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 10.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 365%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 30.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 1.095%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 35.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 1.277,5%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 60.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 2.190%/1 năm;
- Vay 10 triệu (cắt lãi trước, người vay nhận 6.350.000 đồng), mỗi ngày trả 250.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày tương đương mức lãi suất là 887,06%/1 năm;
- Vay 10 triệu (cắt lãi trước, người vay nhận 6.150.000 đồng), mỗi ngày trả 250.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày tương đương mức lãi suất là 956,57%/1 năm;
- Vay 10 triệu (cắt lãi trước, người vay nhận 6.650.000 đồng), mỗi ngày trả 250.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày tương đương mức lãi suất là 788,66%/1 năm;
- Vay 20 triệu (cắt lãi trước, người vay nhận 15 triệu đồng), mỗi ngày trả 500.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày tương đương mức lãi suất là 541,89%/1 năm;
- Vay 30 triệu (cắt lãi trước, người vay nhận 21.750.000 đồng), mỗi ngày trả 750.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày tương đương mức lãi suất là 610,10%/1 năm;
- Vay 42,6 triệu (cắt lãi trước, người vay nhận 30 triệu đồng), mỗi ngày trả 710.000 đồng, trả trong vòng 60 ngày tương đương mức lãi suất là 449,10%/1 năm; (bút lục số 25- 26a).

Theo quy định tại Điều 6, Nghị quyết 01/2021NĐ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xác định số tiền thu lợi bất chính đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trong vụ án này số tiền Phạm Thị Minh H thu lợi bất chính của những người vay như sau:

Của chị Lê Thị P trong thời gian từ ngày 20/8/2021 đến ngày 16/01/2022 là 6.000.000đ - 821.918đ = **5.178.082 đồng**.

Của chị Chị P1 trong thời gian từ ngày 15/9/2021 đến ngày 12/01/2022 là 12.000.000đ - 1.643.837đ = **10.356.163 đồng**.

Của anh Vũ Quang H1 trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 03/7/2021 là 4.800.000đ - 526.027đ = 4.273.973 đồng và trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 03/7/2021 là 2.688.000đ - 245.479đ = 2.442.521 đồng. Tổng là **6.716.494 đồng**.

Của bà Bùi Thị N trong thời gian từ ngày 10/12/2021 đến ngày 12/01/2022 là 2.040.000đ - 279.452đ = **1.760.548 đồng**.

Của anh T2 trong thời gian từ ngày 05/01/2022 đến ngày 03/02/2022 là 600.000đ - 82.192đ = **517.808 đồng**.

Của chị Vũ Thị T trong thời gian từ ngày 14/7/2021 đến ngày 24/01/2022 là 46.800.000đ - 8.547.945đ = 38.252.055 đồng; trong thời gian từ ngày 19/7/2021 đến ngày 16/9/2021 là 7.200.000đ - 986.301đ = 6.213.699 đồng và trong thời gian từ ngày 25/11/2021 đến ngày 23/01/2022 là 3.600.000đ - 657.534đ = 2.942.466 đồng. Tổng cộng **47.408.220 đồng**.

Quá trình điều tra xác định H trực tiếp cho vay với tổng số tiền là 207.000.000 đồng, tổng tiền lãi H đã thu là 85.728.000 đồng, trong đó: số tiền lãi H thu theo lãi suất 20%/năm (theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Thống đốc NHNN Việt Nam) là **13.790.685 đồng**, số tiền H thu lời bất chính trong việc cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ luật dân sự là **71.937.315 đồng** (gồm: 5.178.082 đồng của chị P+ 10.356.163 đồng của chị P1 + 6.716.494 đồng của anh H1+ 1.760.548 đồng của bà N+ 517.808 đồng của anh T2+ 47.408.220 của chị T).

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSTK, ngày 09/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo Phạm Thị Minh H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Minh H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, xử phạt bị cáo Phạm Thị Minh H từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ từ 05 đến 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; truy thu số tiền gốc mà H đã cho vay và số tiền bà N vay nợ gốc chưa trả nộp vào ngân sách nhà nước; tịch thu với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm nộp ngân sách nhà nước; Trả lại người vay khoản lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm; bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự.

Bị cáo Phạm Thị Minh H đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đã truy tố, bị cáo hối hận về hành vi của mình, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản vụ việc và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 02 năm 2022, tại quán cầm đồ H 88 ở thôn L, xã D, huyện Tứ Kỳ, Phạm Thị Minh H trực tiếp cho anh Vũ Quang H1, chị Vũ Thị T, chị Lê Thị P, chị Chị P1, bà Bùi Thị N, anh T2 vay với tổng số tiền 207.000.000 đồng với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền H thu lời bất chính là 71.937.315 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật, song với mục đích kiếm lời trái pháp luật, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Mặc dù bị cáo cho nhiều người vay, tuy nhiên chỉ có một lần cho vay lãi nặng, thu lợi bất chính của chị T trên 30 triệu đồng và hành vi cho vay lãi nặng này chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; còn các hành vi cho vay lãi nặng đối với chị P, chị P1, anh H1, bà N, anh T2 đều thu lợi bất chính dưới 30 triệu đồng, các hành vi này chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và tổng số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính là 71.937.315 đồng nên hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS như quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Mặc dù bị cáo đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc năm 2015- 2016 nhưng đã chấp hành xong quyết định, được coi là chưa có tiền sự nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng điều đó chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân không tốt; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có mẹ đẻ là người có công được tặng thưởng huân chương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng

xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội vì mục đích tư lợi nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong tổng số tiền gốc 207.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho vay là phương tiện phạm tội. Trong đó chị Lê Thị P, chị Chị P1, anh Vũ Quang H1, anh T2, chị Vũ Thị T đã trả bị cáo số tiền nợ gốc tổng là 192.000.000 đồng nên cần truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 15.000.000 đồng tiền vay gốc còn lại bà N chưa trả được cho bị cáo nên cần truy thu của bà N để sung quỹ Nhà nước.

[8] Trong vụ án này, bị cáo có cho anh Phạm Đức T vay số tiền 69.500.000 đồng với mức lãi suất 2000 đ/01 triệu/01 ngày, anh T đã trả lãi cho H tổng số tiền 49.762.000 đồng tương đương với mức lãi suất 73%/năm. Lãi vay này mức lãi suất không vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định của Bộ luật dân sự nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm.

[9] Đối với các khoản vay ngày 10/7/2020, chị Lê Thị P vay của H 15.000.000 đồng, lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị P đã trả H đến ngày 15/01/2022 là 49.950.000 đồng; Khoản vay ngày 13/4/2020, chị Chị P1 khai vay của H 10.000.000 đồng, lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị P1 đã trả H là 31.620.000 đồng, khoản vay ngày 13/5/2020, chị P1 vay của H 15.000.000 đồng, lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị P1 đã trả H là 47.520.000 đồng. Khoản vay ngày 15/3/2021, anh Vũ Quang H1 khai vay của H 6.500.000 đồng, lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh H1 đã trả H là 1.599.000 đồng, khoản vay ngày 25/4/2021, anh H1 vay của H 7.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh H1 đã trả H là 9.450.000 đồng, khoản vay ngày 17/5/2021, anh H1 vay của H 35.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh H1 đã trả H là 8.820.000 đồng; Khoản vay ngày 06/11/2019, bà Bùi Thị N khai vay của H 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi bà N đã trả H là 325.000 đồng; Khoản vay ngày 23/11/2019, bà N vay của H 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi bà N đã trả H là 1.700.000 đồng, khoản vay ngày 16/12/2019, bà N vay của H 15.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi bà N đã trả H là 46.275.000 đồng, khoản vay ngày 11/6/2020, bà N vay của H 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi bà N đã trả H là 3.950.000 đồng, khoản vay ngày 31/10/2020, bà N vay của H 15.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi bà N đã trả H là 2.400.000 đồng, khoản vay ngày 05/11/2020, bà N vay của H 25.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi bà N đã trả

H là 38.125.000 đồng; khoản vay ngày 10/7/2021, bà N vay của H 15.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi bà N đã trả H là 3.300.000 đồng và khoản vay ngày 12/8/2021, bà N vay của H 35.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi bà N đã trả H là 21.560.000 đồng; Khoản vay ngày 03/5/2020, anh T2 khai vay của H 10.000.000 đồng, lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T2 đã trả H là 1.800.000 đồng, khoản vay ngày 18/5/2020, anh T2 vay của H là 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T2 đã trả H là 900.000 đồng, khoản vay ngày 13/7/2020, anh T2 vay của H là 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T2 đã trả H là 10.900.000 đồng, khoản vay ngày 24/8/2020, anh T2 vay của H là 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T2 đã trả H là 9.850.000 đồng và khoản vay ngày 08/11/2021, anh T2 vay của H là 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T2 đã trả H là 775.000 đồng; Khoản vay ngày 29/4/2020, chị Phạm Thị L khai vay của H 109.000.000 đồng, lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị L đã trả H là 98.100.000 đồng; Khoản vay ngày 30/3/2020, anh Nguyễn Văn Đ khai vay của H là 30.000.000 đồng, lãi suất 4.000đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi đã trả là 64.800.000 đồng. Khoản vay ngày 04/7/2019, anh Phạm Đức T khai vay của H là 50.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T đã trả H là 115.400.000 đồng, khoản vay ngày 12/4/2020, anh T khai vay của H là 30.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T đã trả H là 3.720.000 đồng, khoản vay ngày 10/6/2020, anh T khai vay của H là 30.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T đã trả H là 4.200.000 đồng, khoản vay ngày 22/8/2020, anh T khai vay của H là 40.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T đã trả H là 19.440.000 đồng và khoản vay ngày 04/10/2020, anh T khai vay của H là 7.000.000 đồng, lãi suất 4.000đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh T đã trả H là 3.332.000 đồng. Khoản vay ngày 13/6/2021, chị Vũ Thị T khai vay của H là 50.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị T đã trả H là 30.400.000 đồng, khoản vay ngày 23/6/2019, chị T khai vay H 100.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị T đã trả H 72.000.000 đồng, khoản vay ngày 13/7/2020, chị T khai vay H 50.000.000đồng, lãi suất 4.000đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị T đã trả H là 48.200.000 đồng, khoản vay ngày 08/8/2019, chị T khai vay H 50.000.000 đồng, lãi suất 4.000đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị T đã trả H là 10.400.000 đồng, khoản vay ngày 19/8/2019, chị T khai vay H 50.000.000 đồng, lãi suất 4.000đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị T đã trả H là 3.000.000 đồng. Khoản vay ngày 05/10/2019, chị T khai vay H 100.000.000đồng, lãi suất 3.500đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi chị T đã trả H là 33.250.000 đồng; Khoản vay ngày 17/8/2020, anh Trần Phú H khai vay của H 25.000.000đồng, lãi suất 3.500 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh H1 đã trả H là

18.025.000 đồng, khoản vay ngày 01/11/2020, anh H1 khai vay của H 5.000.000 đồng, lãi suất 3.500 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi anh H1 đã trả H là 2.222.500 đồng và khoản vay ngày 31/12/2020, anh H1 khai vay của H 10.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi đã trả H là 2.680.000 đồng. Tuy nhiên H không thừa nhận, ngoài lời khai chị Lê Thị P, chị Chị P1, anh Vũ Quang H1, bà Bùi Thị N, anh Anh T2, chị Phạm Thị L, anh Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Đức T, chị Vũ Thị T, anh Trần Phú H thì không còn tài liệu gì khác, Cơ quan CSĐT đã tiến hành các biện pháp điều tra, không xác định được H cho vay những khoản trên nên không có đủ căn cứ để xử lý.

[10] Theo lời khai của H thì Nguyễn Tá H2, sinh năm 1997, trú tại: Thôn N, xã T, huyện Tứ Kỳ và Nguyễn Văn T3, sinh năm 1980, trú tại: Thôn K, xã Q, huyện Tứ Kỳ và người tên L, sinh năm 1990 ở thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc là những người cùng H cho vay lãi. Quá trình điều tra những người này vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với những người trên. Ngoài lời khai của H về việc H2, T3, L là người cùng H cho khách vay lãi, không có tài liệu gì khác để chứng minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 04 ngày 08/7/2022 tách hành vi của những người này để tiếp tục xác minh làm rõ sau nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[11] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS;

1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Thị Minh H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Minh H **70.000.000 đ** (*bảy mươi triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Phạm Thị Minh H 192.000.000 đồng tiền vay gốc và 13.790.685 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm.

+ Truy thu số tiền của bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1968; Trú quán: 23 N, khu 6, thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương số tiền 15.000.000 đồng là khoản tiền vay gốc của bị cáo H sung quỹ Nhà nước.

+ Buộc Phạm Thị Minh H phải trả lại cho chị Lê Thị P, sinh năm 1977; Trú quán: thôn Q, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 5.178.082 đồng; chị Chị P1, sinh năm 1986; Trú quán: thôn Đ, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương 10.356.163

đồng; anh Vũ Quang H1, sinh năm 1994; Trú quán: thôn P, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương 6.716.494 đồng; bà Bùi Thị N, sinh năm 1968; Trú quán: 23 H, khu 6, thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương 1.760.548 đồng; anh Anh T2, sinh năm 1989; Trú quán: thôn G, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 517.808 đồng; chị Vũ Thị T, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: thôn C, xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: số nhà 91, đường A, phường B, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương 47.408.220 đồng là khoản tiền lãi trên mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo thu lợi bất chính từ người vay.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Phạm Thị Minh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể nhận được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKS, CA, THADS huyện Tứ Kỳ;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; Lưu vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân